

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Hòa

2. Ông Phan Văn Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Dương Công N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Dương Công N kết hôn ngày 04/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và sinh được một người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do anh Dương Công N không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu và đe dọa chị Bùi Thị T, hai người thường xuyên xảy

ra cãi vã, chị Bùi Thị T và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Dương Công N không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 2/2024, anh chị đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm gì nhau. Nay chị Bùi Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Dương Công N.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Thị Tường V, sinh ngày 03/4/2022. Khi ly hôn, chị Bùi Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Dương Công N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh trường thôn và tại gia đình của anh Dương Công N cho thấy: Anh Dương Công N vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình; trong quá trình chung sống không thấy chị Bùi Thị T và anh Dương Công N có mâu thuẫn gì nhờ đến chính quyền thôn giải quyết. Tết năm 2025 không thấy chị Bùi Thị T về ăn tết với gia đình anh Dương Công N, mà ăn tết ở nhà mẹ đẻ tại tỉnh Hòa Bình. Về các văn bản của Tòa án, gia đình có nhận được, khi nhận được gia đình đã thông báo cho anh Dương Công N biết việc chị Bùi Thị T đề nghị ly hôn và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, anh Dương Công N đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Dương Công N không có mặt theo thông báo của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử mở phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 01, tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Dương Công N vắng mặt tại Tòa án không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy anh Dương Công N chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T và xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Dương Công N.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị Tường V, sinh ngày 03/4/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Công N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Nội dung kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ tại ngày 17/3/2025 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Dương Công N cố tình vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Bùi Thị T có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 17/3/2025, tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của anh Dương Công N không gây ảnh hưởng cho việc xét xử và chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04 tháng 01 năm 2021, chị Bùi Thị T và anh Dương Công N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định cuộc hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị Bùi Thị T và anh Dương Công N có hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Dương Công N thường xuyên uống rượu, đe dọa chị Bùi Thị T, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị Bùi Thị T và anh Dương Công N đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay không còn quan tâm gì nhau. Chị Bùi Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm để tiếp tục chung sống nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Công N. Qua xác minh trưởng thôn N1, xã T khẳng định anh Dương Công N đi làm ăn xa thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình;

về tình trạng hôn nhân chị Bùi Thị T và anh Dương Công N sau kết hôn về chung sống tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn được một thời gian thì cùng nhau đi làm ăn xa, quá trình chung sống không thấy có mâu thuẫn gì trầm trọng nhờ đến thôn giải quyết, hòa giải. Tuy nhiên, qua năm bắt tình hình được biết chị Bùi Thị T đã lâu không thấy về đi lại nhà anh Dương Công N nữa. Qua xác minh gia đình bà Hoàng Thị N2 mẹ đẻ anh Dương Công N cho thấy: Quá trình chung sống không thấy vợ chồng anh Dương Công N và chị Bùi Thị T xảy ra mâu thuẫn gì nhờ đến gia đình can thiệp, tuy nhiên, đến tết năm 2025 thì chị T không về ăn tết cùng gia đình chồng mà về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Hòa Bình ăn tết. Hiện nay anh Dương Công N đang đi làm xa không thường xuyên ở nhà; về các văn bản của Tòa án, gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án, khi nhận được bà đã thông báo cho anh Dương Công N được biết, tuy nhiên anh N đi làm xa, có đến Tòa án hay không thì bà không rõ.

[4] Xét thấy, anh Dương Công N không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T. Như vậy xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Dương Công N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị Bùi Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Công N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Dương Công N có 01 con chung là Dương Thị Tường V, sinh ngày 03/4/2022, hiện nay cháu Dương Thị Tường V đang ở với chị Bùi Thị T. Khi ly hôn, chị Bùi Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thị Tường V đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Dương Công N cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao cháu Dương Thị Tường V cho chị Bùi Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp với điều kiện hiện tại của cháu sinh sống và ăn học, anh Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Bùi Thị T trình bày là không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Công N vắng mặt, không có ý kiến gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Từ cho chị Bùi Thị T ly hôn với anh Dương Công N.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Tường V, sinh ngày 03/4/2022 cho chị Bùi Thị Tg nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Dương Công N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Công Nguyễn, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Bùi Thị T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004117 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Bùi Thị T thi hành xong.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị T đơn anh Dương Công N mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hùng Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Văn Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Công Hòa

Lành Văn Huế

Phan Văn Trường